

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4926/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2022.

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4135/QĐ-BQL ngày 21/09/2021 của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy Polarium Việt Nam” tại một phần nhà xưởng W3A (thuê của Công ty TNHH Deep C Red Hải Phòng) - Lô đất CN4.2B2, CN4.2B3A, Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam do Công ty TNHH Polarium Việt Nam làm chủ đầu tư;

Xét Văn bản số 081122/PVN-EHS ngày 08/11/2022 của Công ty TNHH Polarium Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo Văn bản số 05/PVN-EHS2022 ngày 19/12/2022 của Công ty TNHH Polarium Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy Polarium Việt Nam”;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Polarium Việt Nam, địa chỉ tại Nhà xưởng W3 - Lô đất CN4.2B, CN4.2B1, CN4.2B2, CN4.2B3A, Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy Polarium Việt Nam” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Polarium Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng W3 (thuê của Công ty TNHH Deep C Red Hải Phòng) - Lô đất CN4.2B, CN4.2B1, CN4.2B2, CN4.2B3A, Khu công nghiệp Đình Vũ thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3256426562 do Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12/04/2021, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 20/05/2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0202099739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 15/04/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 03/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 0202099739

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Lắp ráp pin lithium, bộ giám sát quản lý pin (BMS), điều khiển sạc và giao diện sử dụng vào pin lưu trữ điện công nghệ cao

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 6.166 m².

- Quy mô, công suất: Pin lưu trữ điện công nghệ cao: 90.000 chiếc/năm tương đương 5.200 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Polarium Việt Nam:

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Polarium Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Polarium Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm

(từ ngày 30 tháng 12 năm 2022..đến ngày 30 tháng 12 năm 2029..).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để báo cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty TNHH Polarium Việt Nam;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, HTGS, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT. *W*

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4926./GPMT-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung được thu gom về hệ thống dẫn nước thải Khu công nghiệp Đình Vũ, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Polarium Việt Nam đã ký thỏa thuận thuê lại nhà xưởng (trong tổ hợp nhà xưởng) ngày 08/07/2021 giữa Công ty TNHH Polarium Việt Nam với Công ty TNHH DEEP C RED Hải Phòng và hợp đồng tiện ích nước số DCB/DCBC/CON-EN-VN-2021.9 ngày 05/8/2021 với Công ty TNHH DEEP C BLUE.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ các khu nhà vệ sinh của nhà xưởng được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn (số lượng 02 bể, tổng dung tích 41,6m³) sau đó nhập dòng với nước rửa tay chân, nước thoát sàn và dẫn về hố ga thu gom cuối của Dự án. Toàn bộ nước thải sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

Nước thải từ nhà vệ sinh container được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại composite 03 ngăn dung tích 5m³ phía dưới container. Nước thải sau đó được Công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải khu vệ sinh trong xưởng → bể tự hoại → hố ga thu gom cuối của Dự án → trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước rửa tay chân → hố ga thu gom cuối của Dự án → trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước thoát sàn → hố ga thu gom cuối của Dự án → trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước thải khu vệ sinh container → bể tự hoại → thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Công suất thiết kế:

+ 02 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 41,6 m³.

+ 01 bể tự hoại composite 03 ngăn, dung tích 5m³.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí

01 vị trí tại hố ga thu gom cuối của Công ty TNHH Polarium Việt Nam trước khi thải ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ tại Nhà xưởng W3 (thuê của Công ty TNHH Deep C Red Hải Phòng) - Lô đất CN4.2B, CN4.2B1, CN4.2B2, CN4.2B3A, Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2302554.53; Y(m) = 606263.98 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^o45' múi chiếu 3^o).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Đình Vũ.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Đảm bảo tần suất 15 ngày/lần (tối thiểu 5 lần trong cả quá trình) của giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và tần suất 1 ngày/lần (7 ngày liên tiếp) của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải của Dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên

và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Đình Vũ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.4. Quan trắc nước thải định kỳ nhằm giám sát, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Đình Vũ.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4926./GPMT-BQL ngày 30. tháng 12. năm 2022. của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 (Khí thải phát sinh từ Dự án thoát trực tiếp tại khu vực bên trong nhà xưởng, được quản lý và kiểm soát bằng cách theo dõi, quan trắc môi trường lao động).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ khu vực hàn lazer thu gom vào 02 hệ thống xử lý đồng bộ với 02 máy hàn và thoát trực tiếp tại khu vực bên trong nhà xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý:

- Hệ thống 1: Khói hàn từ máy hàn lazer → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý → thoát ngay trong nhà xưởng (miệng xả của thiết bị được xả ngay trong nhà xưởng). Công suất: 546 m³/h.

- Hệ thống 2: Khói hàn từ máy hàn lazer → Hệ thống thu gom → Hệ thống xử lý → thoát ngay trong nhà xưởng (miệng xả của thiết bị được xả ngay trong nhà xưởng). Công suất: 546 m³/h.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thông gió nhà xưởng, đảm bảo hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4926/GPMT-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông tại Nhà máy và hoạt động sản xuất của nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 1: Khu vực cửa vào phía trước của Công ty; Toạ độ X(m): 2302532.09, Y(m): 606278.85;

+ Nguồn số 2: Khu vực cửa vào phía sau của Công ty; Toạ độ X(m): 2302608.00, Y(m): 606332.99.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4926./GPMT-BQL ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	25	17 02 03
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	45	18 02 01
3	Bao bì nhựa cứng thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	5,5	18 01 03
4	Linh kiện điện, điện tử thải từ quá trình sản xuất	Rắn	48.980	19 02 06
5	Bụi thu hồi sau thiết bị lọc bụi hàn laser	Rắn	3,0	07 04 02
6	Bẫy dầu của máy nén khí	Lỏng	0,5	19 12 02
7	Lõi lọc bụi thải	Rắn	3,0	18 02 01
Tổng			49.062	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 68,73 tấn/năm.

Thành phần của chất thải rắn sản xuất phát sinh túi nilong, dây đai buộc hàng, bavia nhựa,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 107,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 20 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao che bằng tôn mạ màu và mái che, nền được gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm, sử dụng dụng cụ chống tràn. Có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 100 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu tường bao che bằng tôn mạ màu, mái tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích: 18m².

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy tại các khu vực xưởng sản xuất, khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn. Trước giờ thu gom 30 phút, Công ty sẽ bố trí công nhân vận chuyển rác sinh hoạt từ các khu vực phát sinh về nơi tập trung để đảm bảo tính mỹ quan. Đồng thời, Nhà máy sẽ thiết lập nội quy nhà xưởng, yêu cầu công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi trong khuôn viên Nhà máy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy



định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *4926*/GPMT-BQL ngày *30* tháng *12* năm *2022* của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
